TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 824/2017/HNGĐ-PT
Ngày 11-9-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan
Ông Nguyễn Khắc Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp về cấp dưỡng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 883/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 685/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 46/92 Đường M, Khu phố M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Đức N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 46/92 Đường M, Khu phố M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Trần Thanh D và bị đơn - bà Đinh Thị Đức N.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là ông Trần Thanh D trình bày:

Ông và bà Đinh Thị Đức N tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2004, giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 02, ngày 27/09/2004 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Q cấp. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ khoảng đầu năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà N buôn bán ở chợ, từ đó nghe lời người bên ngoài về kiếm chuyện với ông, mọi chuyện trong nhà bà N đem kể với người ngoài. Bà N không tròn trách nhiệm của người vợ, không lo được bữa cơm cho gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì nghĩ con còn nhỏ nên ông đã cố gắng hàn gắn những rạn nứt cũng như bất đồng nhưng vẫn không có kết quả. Gần đây bà N yêu cầu ly hôn đối với ông, nghi ngờ ông có người phụ nữ khác bên ngoài. Do không chịu được cuộc sống như vậy nên từ tháng 12/2016 ông đã dọn ra ngoài sống riêng. Tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn đối với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có hai người con chung là Trần Thùy Minh T1, sinh ngày 23/05/2006 (giới tính nữ) và Trần Thùy Minh T2, sinh ngày 09/09/2013 (giới tính nữ). Ông yêu cầu nuôi trẻ T2 và đồng ý giao trẻ T1 cho bà N trực tiếp nuôi dạy, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Bị đơn là bà Đinh Thị Đức N trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như ông D trình bày.Việc ông D cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà không tròn trách nhiệm của người vợ là không có căn cứ. Từ khi kết hôn đến nay, bà luôn cố gắng chăm sóc cho chồng con và lo liệu mọi việc gia đình.Từ khi bà đi làm ông D ghen tuông vô cớ và đánh đập bà. Từ năm 2013 tính tình ông D thay đổi chỉ quan tâm đến bạn bè bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con. Do công việc làm ăn nên bà thức khuya, dậy sớm, nhiều lúc không lo lắng trọn vẹn cho gia đình nhưng những lúc có thời gian thì bà vẫn tròn trách nhiệm với gia đình, ông D không dám ăn cơm do bà nấu vì sợ bà bỏ thuốc vào, ông D tự ý dọn ra ngoài ở riêng. Do bà còn thương chồng con và con bà còn nhỏ bà không đồng ý ly hôn, do bà không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến về con chung, nếu có ly hôn với ông D thì bà yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà khai không có..

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông D và bà N giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Việm Kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu: Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông D được ly hôn với bà N và giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dạy, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông D do bà N không yêu cầu.

Tại bản án sơ thẩm số 883/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 72; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh D đối với bà Đinh Thị Đức N.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị Đức N trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Thùy Minh T1, sinh ngày 23/05/2006 và Trần Thùy Minh T2, sinh ngày 09/09/2013, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà N xác nhận không có, nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001612, ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 11/07/2017 nguyên đơn ông Trần Thanh D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nuôi dạy con chung ông yêu cầu giao trẻ Trần Thùy Minh T2 cho ông trực tiếp nuôi dạy.

Ngày 12/07/2017 bị đơn bà Đinh Thị Đức N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm gồm: Yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành; Tài sản chung yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông D trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là ông được nuôi trẻ Trần Thùy Minh T2, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn bà N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại tòa sơ thẩm, bà không đồng ý ly hôn đối với ông D. Do bà không đồng ý ly hôn nên tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu rút lại đơn kháng cáo, đây là yêu cầu tự nguyện của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận B đưa vụ án ra xét xử ngày 04/07/2017, đến ngày 11/07/2017 ông D kháng cáo; ngày 12/07/2017 bà N kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của ông D được nuôi trẻ T2, thấy việc trẻ T2 là gái còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc nên tòa sơ thẩm giao cho bà N nuôi cả hai trẻ là có cơ sở, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D. Bà N tự nguyện rút đơn kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh D và bà Đinh Thị Đức N làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung là trẻ T2; bà N kháng cáo yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con và giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về hôn nhân: Tại phiên tòa phúc thẩm ông D yêu cầu ly hôn bà N không đồng ý vì bà cho rằng các con còn nhỏ cần phải có cha và mẹ cùng chăm sóc. Bà N cũng xác nhận hiện hai bên không còn chung sống với nhau. Như vậy cho thấy cuộc sống hôn nhân của hai bên không còn hạnh phúc, nếu bác đơn ly hôn của ông D để hai bên quay

về đoàn tụ là không có kết quả, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nên tòa cấp sơ thẩm chấp nhận đơn ly hôn của ông D là có sở.

Về con chung: Ông D yêu cầu nuôi trẻ Minh T2 và đồng ý giao trẻ Minh T1 cho bà N trực tiếp nuôi dạy: Xét, trẻ T2 sinh ngày 09/09/2013, hiện trẻ còn nhỏ là nữ, nếu để bà N tiếp tục chăm sóc cùng trẻ Minh T1 cũng là nữ thì việc phát triển tâm sinh lý của trẻ T2 sẽ ổn định hơn là giao cho ông D nuôi. Vì vậy Tòa sơ thẩm giao cho bà N nuôi cả hai con chung là phù hợp và có cơ sở; nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không tranh chấp và không kháng cáo, nên tòa phúc thẩm không xem xét.

Về nợ chung: Ông D và bà N khai không có nên không xem xét.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 thì ông D phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của ông D; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông D người kháng cáo phải nộp án phí

Bà N rút đơn kháng cáo, căn cứ vào Khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà N người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Điểm a Khoản 2 Điều 478; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thanh D.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Đức N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Về hôn nhân: Ông Trần Thanh D và bà Đinh Thi Đức Nam ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 02, ngày 27/09/2004, do Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Q, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung: Giao hai con chung là trẻ tên Trần Thùy Minh T1, sinh ngày 23/05/2006 (giới tính nữ) và trẻ tên Trần Thùy Minh T2, sinh ngày 09/09/2013 (giới tính nữ) cho bà Đinh Thị Đức N trực tiếp nuôi dạy. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do bà N không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Đương sự khai không có, Tòa án không xem xét.

5/ Về án phí:

5.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001612, ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

5.2/ Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Thanh D nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000716, ngày 12/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Bà Đinh Thị Đức N phải nộp án phí, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000719, ngày 12/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh